

**-[TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số:64/2023/DS-ST

Ngày: 20/7/2023

V/v "Tranh chấp

hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Thanh Hiếu

2/ Bà Huỳnh Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:97/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị C, sinh năm 1966.**

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Bà **Lê Thị N, sinh năm 1952.**

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày:

Tôi làm đầu thảo hụi, bà N có tham gia chơi hụi của tôi, vào ngày 10/01/2022(al) tôi có cho bà Lê Thị N mượn số tiền 37.000.000đ, bà N có viết biên nhận không ghi ngày mượn nhưng có ghi ngày 30/8 sẽ trả tiền cho tôi và bà N có ký tên.

Đến ngày 20/4/2022 tôi có cho bà N mượn số tiền 276.000.000đ, hẹn ba tháng sẽ trả mỗi tháng là 10.000.000đ, tháng kế tiếp là 20.000.000đ nhưng bà N không có trả tiền cho tôi, bà N có viết giấy nhận nợ cho tôi. Đến tháng 8/2022 thì bà N không có trả tiền cho tôi, tôi có đòi bà N nhiều lần nhưng bà N không trả tiền cho tôi, tổng số tiền mà bà N mượn của tôi là 313.000.000đ.

Nay tôi yêu cầu bà Lê Thị N trả cho tôi số tiền 313.000.000đồng. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

*Trong quá trình giải quyết vụ án Bị đơn bà Lê Thị N trình bày:

Tôi thừa nhận vào ngày 20/4/2022 có mượn tiền của bà Trần Thị C số tiền 276.000.000đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng), tôi chưa trả cho bà C số tiền nào.

Nay tôi đồng ý trả cho bà Trần Thị C số tiền 276.000.000đ (Hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng). Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Tôi đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 37.000.000đồng, biên nhận ngày 30/8 (tức ngày 30/8/2022) tôi thừa nhận chữ viết và chữ ký tên Lê Thị N là do tôi viết và ký tên nhưng nội dung tôi không có viết, tôi không yêu cầu giám định. Số tiền 37.000.000đ nguyên đơn không có đưa tiền mặt cho tôi mà đây là số tiền mà nguyên đơn cho tôi mượn đây hụi 37.000.000đ để trảng hụi thay cho tôi trong khoản tiền 276.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay: nguyên đơn vẫn bảo lưu ý kiến, nhưng chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 303.000.000đồng, (vì cộng nhầm lẫn số tiền 10.000.000đồng) . Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn vẫn bảo lưu ý kiến và đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với điều kiện nguyên đơn phải gửi cho bị đơn bản photo biên nhận nợ số tiền 276.000.000đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền vay là 303.000.000đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, bởi vì: tại biên bản hòa giải ngày 06/7/2023 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn thừa nhận có ký tên trong biên nhận nợ nguyên đơn số tiền 276.000.000đồng và 37.000.000đồng và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 303.000.000đồng với điều kiện nguyên đơn phải gửi cho bị đơn bản photo biên nhận nợ số tiền 276.000.000đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh bị đơn có nợ nguyên đơn tổng số tiền gốc là 303.000.000đồng. Tuy nhiên, bị đơn trình bày điều kiện nguyên đơn phải gửi cho bị đơn bản photo biên nhận nợ số tiền 276.000.000đồng. Nguyên đơn đồng ý. Do đó, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả ra cho nguyên đơn số tiền gốc là 303.000.000đồng là có căn cứ đúng pháp luật.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Về án phí dân sự sơ thẩm:bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên được miễn toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 143, 144,147, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng các Điều 463, Điều 464, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị C, buộc bị đơn bà Lê Thị N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 303.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên được miễn toàn bộ.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 7.825.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0005021 ngày 15/5/2023,

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Thành

